

CHÍNH TẢ

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nghe và viết lại đúng chính tả bài *Ai đã nghĩ ra các chữ số 1, 2, 3, 4, ... ?* ; viết đúng các tên riêng nước ngoài, trình bày đúng bài văn.

2. Tiếp tục luyện viết đúng các chữ có âm đầu hoặc vần dễ lẫn : *tr/ch ; êt/êch*.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Ba, bốn tờ phiếu khổ rộng viết nội dung BT2a hoặc 2b.

– Ba, bốn tờ phiếu khổ rộng viết nội dung BT3.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài. GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Hướng dẫn HS nghe – viết

– GV đọc bài chính tả *Ai đã nghĩ ra các chữ số 1, 2, 3, 4, ... ?*. Cả lớp theo dõi trong SGK.

185

– bệch

– chệch, chệch

– hếch

– kếch (xù), kếch (cơm)

– tếch

– Hoa sợ đến trắng **bệch** cả mặt.

– Chúng tôi đã lạc đường vì đi **chệch** hướng.

– Trung có chiếc mũi **hếch**.

– Một con gấu to **kếch** xù.

– Cún Bông đành **tếch** khối mảnh đất buồn chán này.

Bài tập 3

– GV nêu yêu cầu của BT3.

– HS đọc thâm truyện vui *Trí nhớ tốt*, làm bài vào vở hoặc VBT.

– GV dán 3 – 4 tờ phiếu đã viết nội dung truyện ; mời 3 – 4 HS lên bảng thi làm bài. Cách thực hiện tiếp theo BT trước.

– GV hỏi HS về tính khôi hài của truyện vui. (Chị Hương kể chuyện lịch sử nhưng Sơn ngây thơ tưởng rằng chị có trí nhớ tốt, nhớ được cả những chuyện xảy ra từ 500 năm trước – cứ như là chị đã sống được hơn 500 năm.)

Lời giải : **nghech** mắt – **châu** Mĩ – **kết thúc** – **nghech** mặt ra – **trầm** trở – **trí** nhớ

4. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét giờ học. Yêu cầu HS ghi nhớ những từ vừa được ôn luyện chính tả, nhớ truyện vui *Trí nhớ tốt*, kể lại cho người thân.

– HS đọc thầm lại đoạn văn cần viết. GV nhắc các em chú ý cách trình bày bài chính tả, cách viết các chữ số ; tự viết vào nháp tên riêng nước ngoài (*A-rập, Bát-đa, Ấn Độ*).

– HS nói nội dung mẩu chuyện. (Mẩu chuyện giải thích các chữ số 1, 2, 3, 4... không phải do người A-rập nghĩ ra. Một nhà thiên văn người Ấn Độ khi sang Bát-đa đã ngẫu nhiên truyền bá một bảng thiên văn có các chữ số Ấn Độ 1, 2, 3, 4,...)

– HS gấp SGK. GV đọc từng câu hoặc từng bộ phận ngắn trong câu cho HS viết.

– Trình tự tiếp theo như đã hướng dẫn.

3. Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả

Bài tập 2 – lựa chọn

– GV nêu yêu cầu của bài tập, chọn BT cho HS ; nhắc các em : có thể thêm dấu thanh để tạo thêm nhiều tiếng có nghĩa.

– HS làm bài cá nhân hoặc trao đổi cùng bạn, ghép âm đầu tr/ch với vần có thể (hoặc ghép vần êt/êch với âm đầu có thể) để tạo tiếng có nghĩa, sau đó mỗi em đặt 1 câu với tiếng tìm được. GV phát 3 – 4 tờ phiếu cho 3 – 4 cặp HS. HS phát biểu ý kiến. GV nhận xét, dán lên bảng lớp bài làm tốt của 1 – 2 cặp HS, chốt lại lời giải :

Bài a :

tr – trai, trái, trái, trại

– tràm, tràm, (xử) tràm, trạm

– tràn, tràn

– trấu, trấu, trấu, (cây) trấu

– trăng, trắng

– trăn, trăn, trăn, trăn

ch – chai, chai, chái, chái, chái

– chàm, chàm

– chan, chán, chạn

– châu, châu, châu, châu, chậu

– chằng, chằng, chằng, chằng

– chân, chân, chân,

– Hè tới, lớp chúng em sẽ đi cắm **trại**.

– Đức vua hạ lệnh xử **trảm** kẻ gian ác.

– Nước **tràn** qua đê.

– Gạo còn nhiều sạn và **trấu**.

– **Trăng** đêm nay tròn vành vạnh.

– **Trăn** đánh ấy rất ác liệt.

– Người dân ven biển phần lớn làm nghề **chài** lưới.

– Bé có một vết **chàm** trên cánh tay.

– Món ăn này rất **chán**.

– Cái **chậu** rửa mặt này thật xinh.

– **Chằng** đường này thật là dài.

– Bác sĩ **chẩn** đoán bệnh cho bệnh nhân.

Bài b :

– bết, bết

– chết

– dết, dết

– hết, hết

– kết

– tết

– Vết thương làm **bết** lại những mớ tóc trên trán anh chiến sĩ.

– Hôm qua, chú mèo nhà em đã **chết**.

– Anh bộ đội đeo trên vai một cái túi **dết**.

– Bạn Trung giống **hết** bố.

– Chúng em **kết** bạn với nhau đã 5 năm.

– Bạn Hoa đang **tết** hai bím tóc đuôi sam.